BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 42/2012/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2012*

THÔNG TƯ
Quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;

Căn cứ Nghị định số 41/CP ngày 06 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất và Nghị định số 33/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ bổ sung một số điều của Nghị định số 41/CP ngày 06 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm mà không phải hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý hình sự, bao gồm: công tác quản lý, đào tạo cán bộ đăng kiểm và thẩm định thiết kế, kiểm tra,

thử nghiệm, đánh giá, kiểm định, chứng nhận, lập và cấp phát ấn chỉ, hồ sơ đăng kiểm liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường phương tiện giao thông và phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng, công-ten-nơ, nồi hơi và bình chịu áp lực sử dụng trong giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí biển, an ninh tàu biển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác đăng kiểm trong phạm vi toàn quốc.

2. Thông tư này không áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác đăng kiểm của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Kiểm định* bao gồm thẩm định thiết kế, kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá, kiểm định, chứng nhận, lập và cấp phát ấn chỉ, hồ sơ đăng kiểm liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường phương tiện giao thông và phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng, công-ten-nơ, nồi hơi và bình chịu áp lực sử dụng trong giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí biển, an ninh tàu biển.

2. *Công tác đăng kiểm* bao gồm công tác quản lý, đào tạo cán bộ đăng kiểm và kiểm định.

3. *Nhóm kiểm định* bao gồm tổ, đội, ban, dây chuyền, chi nhánh đăng kiểm thực hiện nhiệm vụ kiểm định cụ thể.

4. *Trưởng nhóm kiểm định* là người được thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm làm trưởng nhóm kiểm định.

5. *Đơn vị đăng kiểm* bao gồm chi cục, trung tâm, phòng trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam và phòng, ban, trạm đăng kiểm, trung tâm đăng kiểm, công ty đăng kiểm trực thuộc các Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện kiểm định; các trung tâm đăng kiểm xe cơ giới xã hội hóa.

6. *Cơ quan tham mưu nghiệp vụ* là phòng, trung tâm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam được phân công quản lý kiểm định, đào tạo cán bộ đăng kiểm.

7. *Cán bộ đăng kiểm* là đăng kiểm viên, đánh giá viên, nhân viên nghiệp vụ thực hiện, kiểm định.

Chương II
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC ĐĂNG KIỂM

Mục 1
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 4. Trách nhiệm của nhóm kiểm định

1. Thực hiện công việc kiểm định theo quy định, đúng thẩm quyền được giao.

2. Kiểm tra, kiểm soát quá trình kiểm định và kết quả kiểm định trong nhóm kiểm định để đảm bảo tuân thủ đúng quy định.

Điều 5. Trách nhiệm của đơn vị đăng kiểm

1. Tổ chức việc công khai các thủ tục, quy trình kiểm định tại trụ sở đơn vị để khách hàng được biết và giám sát thực hiện.

2. Tổ chức thực hiện kiểm định tại đơn vị theo quy định, đúng thẩm quyền được giao.

3. Tổ chức phân công nhiệm vụ kiểm định tại đơn vị phù hợp với năng lực, giấy chứng nhận, chứng chỉ của cán bộ đăng kiểm.

4. Đảm bảo về nguồn nhân lực phục vụ kiểm định tại đơn vị theo quy định.

5. Đảm bảo trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ kiểm định và bảo hộ lao động theo quy định; duy trì tình trạng thiết bị, dụng cụ kiểm định bảo đảm tính chính xác của các kết quả đo và thử nghiệm.

6. Kiểm tra, kiểm soát quá trình và kết quả kiểm định, cấp hồ sơ đăng kiểm trong đơn vị đảm bảo đúng quy định.

7. Tổ chức thu phí, lệ phí đúng quy định.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan tham mưu nghiệp vụ

1. Tham mưu cho Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác đăng kiểm theo lĩnh vực được phân công trong phạm vi cả nước.

2. Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn nghiệp vụ và các văn bản khác trình cấp có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn các đơn vị đăng kiểm triển khai thực hiện kiểm định theo lĩnh vực được phân công.

3. Thẩm định các hồ sơ kỹ thuật, các loại giấy chứng nhận, trình Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ký hoặc ký theo thẩm quyền.

4. Tổ chức việc kiểm tra, kiểm soát nhằm phát hiện các vi phạm theo lĩnh vực được phân công, trình Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam xem xét và quyết định các biện pháp xử lý, khắc phục và phòng ngừa.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải hoặc cơ quan cấp trên khác của đơn vị đăng kiểm

Chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, kiểm soát hoạt động kiểm định tại các đơn vị đăng kiểm trực thuộc theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hướng dẫn nghiệp vụ có liên quan của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Điều 8. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác đăng kiểm.

2. Chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, kiểm soát hoạt động kiểm định tại các đơn vị đăng kiểm trực thuộc theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hướng dẫn nghiệp vụ có liên quan.

Mục 2
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN

Điều 9. Trách nhiệm của cán bộ đăng kiểm

1. Chịu trách nhiệm trước thủ trưởng trực tiếp và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công.

2. Đáp ứng đầy đủ các quy định hiện hành về tiêu chuẩn đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ.

3. Thực hiện đầy đủ công việc được giao, tuân thủ đúng các quy định, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan trong kiểm định.

4. Đảm bảo tính trung thực, khách quan, chính xác khi thực hiện kiểm định.

5. Thực hiện đúng quy định về quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp khi tiếp xúc với khách hàng.

6. Không lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, cố ý làm sai lệch kết quả kiểm định, làm trái với quy định.

7. Không tiến hành các công tác đăng kiểm khi bản thân hoặc gia đình có lợi ích liên quan đến đối tượng trực tiếp kiểm định.

8. Kịp thời báo cáo những sai phạm trong kiểm định tới cấp có thẩm quyền.

9. Tính và thu phí, lệ phí theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của trưởng nhóm kiểm định

1. Chịu trách nhiệm trước thủ trưởng đơn vị đăng kiểm và trước pháp luật về việc thực hiện kiểm định được phân công của nhóm kiểm định.

2. Tổ chức thực hiện và kiểm soát công việc kiểm định của nhóm kiểm định đảm bảo đúng quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị đăng kiểm

1. Chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải hoặc thủ trưởng cơ quan cấp trên khác và trước pháp luật về công tác đăng kiểm được phân công.

2. Tổ chức thực hiện và kiểm soát việc thực hiện công tác đăng kiểm tại đơn vị đảm bảo đúng quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan tham mưu nghiệp vụ

1. Chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam và trước pháp luật về công tác đăng kiểm theo lĩnh vực được phân công.

2. Tổ chức kiểm tra, kiểm soát công tác đăng kiểm theo lĩnh vực được phân công đảm bảo đúng quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Giao thông vận tải hoặc thủ trưởng cơ quan cấp trên khác của đơn vị đăng kiểm

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hoặc cơ quan cấp trên khác và trước pháp luật về việc tổ chức thực hiện kiểm định tại các đơn vị đăng kiểm trực thuộc.

2. Tổ chức kiểm tra, kiểm soát và có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời các vi phạm của cơ quan, tổ chức và cán bộ đăng kiểm trong kiểm định theo thẩm quyền.

Điều 14. Trách nhiệm của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và trước pháp luật về quản lý nhà nước công tác đăng kiểm.

2. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và trước pháp luật về việc tổ chức thực hiện kiểm định tại các đơn vị đăng kiểm trực thuộc.

3. Tổ chức kiểm tra, kiểm soát công tác đăng kiểm trên phạm vi toàn quốc và có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời các vi phạm của cơ quan, tổ chức và cán bộ đăng kiểm trong công tác đăng kiểm theo thẩm quyền.

Chương III
VI PHẠM TRÁCH NHIỆM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Mục 1
XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐĂNG KIỂM

Điều 15. Xử lý vi phạm đối với nhóm kiểm định

Nhóm kiểm định bị cảnh cáo khi vi phạm một trong các khoản quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

Điều 16. Xử lý vi phạm đối với đơn vị đăng kiểm

1. Đơn vị đăng kiểm bị cảnh cáo khi vi phạm một trong các khoản quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

2. Đơn vị đăng kiểm bị đình chỉ hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Khi vi phạm từ hai khoản trở lên trong số các khoản tại Điều 5 của Thông tư này hoặc bị xử lý cảnh cáo từ ba lần trở lên;

b) Khi vi phạm một trong các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 5 của Thông tư này gây hậu quả nghiêm trọng.

Điều 17. Xử lý vi phạm đối với thủ trưởng, cán bộ đăng kiểm của đơn vị đăng kiểm

Trưởng nhóm kiểm định, thủ trưởng, cán bộ đăng kiểm của đơn vị đăng kiểm tùy theo đối tượng và mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 05 năm 2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2011/NĐ-CP); Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức (sau đây gọi tắt là Nghị định số 27/2012/NĐ-CP); Nghị định số 41/CP ngày 06 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất và Nghị định số 33/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2003 của Chính phủ bổ sung một số điều của Nghị định số 41/CP ngày 06 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất (sau đây gọi tắt là Nghị định số 41/CP).

Mục 2
XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHÁC THAM GIA CÔNG TÁC ĐĂNG KIỂM

Điều 18. Xử lý vi phạm đối với cơ quan tham mưu nghiệp vụ

Cơ quan tham mưu nghiệp vụ bị cảnh cáo khi vi phạm một trong các khoản quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

Điều 19. Xử lý vi phạm đối với các cá nhân của cơ quan tham mưu nghiệp vụ và các cá nhân khác tham gia công tác đăng kiểm

Thủ trưởng, các cá nhân của cơ quan tham mưu nghiệp vụ và các cá nhân khác tham gia công tác đăng kiểm tùy theo đối tượng và mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 34/2011/NĐ-CP, Nghị định số 27/2012/NĐ-CP và Nghị định số 41/CP.

Điều 20. Xử lý vi phạm của lãnh đạo cấp trên do trách nhiệm liên đới

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp trên của đơn vị đăng kiểm, tùy theo đối tượng và mức độ liên đới vi phạm bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 34/2011/NĐ-CP, Nghị định số 27/2012/NĐ-CP và Nghị định số 41/CP.

Mục 3
THẨM QUYỀN VÀ TRÌNH TỰ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định xử lý vi phạm của Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đối tượng khác theo thẩm quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định xử lý vi phạm của Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các đối tượng khác theo thẩm quyền.

3. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam:

a) Quyết định xử lý vi phạm của thủ trưởng các đơn vị đăng kiểm, các cơ quan tham mưu nghiệp vụ và các cán bộ đăng kiểm thuộc quyền quản lý của Cục;

b) Đình chỉ hoạt động đơn vị đăng kiểm có vi phạm;

c) Thu hồi giấy chứng nhận, thẻ đăng kiểm viên.

4. Giám đốc Sở Giao thông vận tải và cơ quan cấp trên khác của đơn vị đăng kiểm:

a) Quyết định xử lý vi phạm của thủ trưởng các đơn vị đăng kiểm và các cán bộ đăng kiểm thuộc quyền quản lý của Sở;

b) Báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền về vi phạm của cơ quan, tổ chức và cá nhân để xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 22. Trình tự xử lý vi phạm

1. Trình tự, thủ tục, hồ sơ, áp dụng hình thức xử lý vi phạm đình chỉ hoạt động đối với đơn vị đăng kiểm:

a) Văn bản báo cáo của đoàn thanh tra, kiểm tra hoặc người có thẩm quyền đề nghị xử lý vi phạm kèm theo biên bản thanh tra, kiểm tra;

b) Văn bản đình chỉ hoạt động đối với đơn vị đăng kiểm của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 21 của Thông tư này.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ cho phép đơn vị đăng kiểm được tiếp tục hoạt động trở lại sau khi khắc phục xong các vi phạm:

a) Sau khi khắc phục xong các vi phạm tại văn bản đình chỉ hoạt động nêu tại điểm b khoản 1 Điều này, đơn vị đăng kiểm bị đình chỉ hoạt động có văn bản gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam đề nghị cho phép tiếp tục hoạt động;

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận văn bản và giao Cơ quan tham mưu nghiệp vụ thực hiện việc kiểm tra, đánh giá tại đơn vị đăng kiểm và lập Biên bản kiểm tra;

c) Kết luận tại Biên bản kiểm tra việc khắc phục vi phạm của đơn vị đăng kiểm do Cơ quan tham mưu nghiệp vụ lập là căn cứ để Cục Đăng kiểm Việt Nam xử lý. Nếu Biên bản kiểm tra kết luận không đạt yêu cầu thì trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Cục Đăng kiểm Việt Nam ra văn bản thông báo để đơn vị đăng kiểm tiếp tục khắc phục và tiến hành kiểm tra lại. Nếu Biên bản kiểm tra kết luận đạt yêu cầu thì trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Cục Đăng kiểm Việt Nam ra văn bản cho phép đơn vị đăng kiểm được tiếp tục hoạt động trở lại.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. Bãi bỏ Quyết định số 4455/2002/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định trách nhiệm và xử lý khi vi phạm về quản lý, kiểm tra chất lượng và an toàn kỹ thuật phương tiện, thiết bị giao thông vận tải.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng